

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2025/DSST ngày 8 tháng 4 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung sự thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần T (gọi tắt là Công ty T)

Địa chỉ: Lô B, CN6, Cụm C, huyện T, TP . Hà Nội (nay là xã N, TP .)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Anh L- Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thúy P, sinh 1996

Nơi cư trú: 4 đường số C, Cư xá Đ, phường D, quận C, TP . (nay là phường B, TP .)

Bị đơn: Công ty TNHH D (gọi tắt là Công ty D).

Địa chỉ: Quốc lộ B, thôn M, xã T, huyện M, TP . Hà Nội (nay là thôn M, xã T).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trần S- Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Văn C

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Hai bên thỏa thuận xác nhận: Vào các ngày 02/01/2021, ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2022 Công ty T và Công ty D đã ký các Hợp đồng mua bán hàng hóa số 093/HĐNT-TP, 074/2022/HĐNT-TP, 006/2023/HĐNT-TP. Kể từ ngày 5/01/2021 đến ngày 29/6/2024, các bên đã nhiều lần giao- nhận hàng hóa với tổng giá trị giao dịch là 12.057.132.631đ đã bao gồm VAT.

Ngày 5/01/2024 Công ty T và Công ty D đã lập Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ: Tính đến hết ngày 31/12/2023, Công ty D còn nợ Công ty T 3.121.962.286đ tiền gốc. Sau đó Công ty D đã trả thêm được 300.000.000đ.

Hai bên xác nhận: Công ty TNHH D còn nợ Công ty cổ phần T 2.828.897.117đ nợ gốc; 690.800.838 đ tiền phạt vi phạm và 1.079.376.310đ tiền lãi chậm trả (hai khoản tiền phạt và lãi chậm trả tính đến hết ngày 22/9/2025).

Hai bên thỏa thuận: Công ty T đồng ý cho Công ty D trả 540.000.000đ tiền lãi chậm trả, thời hạn chậm nhất đến ngày 30/9/2025. Nếu Công ty D thực hiện đúng lộ trình trên thì Công ty T miễn toàn bộ tiền phạt và lãi chậm trả còn lại cho Công ty D.

Đối với nợ gốc là 2.828.897.117đ: Công ty T đồng ý lộ trình trả nợ với Công ty D như sau: Từ tháng 10/2025, vào các ngày từ 25 đến 30 hàng tháng, Công ty D trả cho Công ty T 500.000.000đ nợ gốc, số tiền còn lại được trả toàn bộ vào kỳ cuối cùng. Nếu Công ty D vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì Công ty T có quyền đề nghị cơ quan thi hành án ra Quyết định thi hành án để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Hai bên thống nhất bị đơn là Công ty TNHH D nộp toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.299.537đ. Hoàn trả lại Công ty cổ phần T số tiền 56.173.193đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0054786 ngày 04/04/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TAND thành phố H;*
- *VKSND khu vực 7- H;*
- *THADS thành phố H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

THẨM PHÁN

Lê Quang Khanh